

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững năm 2020

Thực hiện Kế hoạch số 159/KH-UBND ngày 21/10/2016 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc thực hiện Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững tỉnh Thanh Hoá giai đoạn 2016-2020;

Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 22/01/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về thực hiện Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững năm 2020;

Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững huyện Triệu Sơn, giai đoạn 2016-2020;

Nghị quyết số 61/2019/NQ-HĐND ngày 27/12/2019 của Hội đồng nhân dân huyện Triệu Sơn về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020;

Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 07/1/2020 của UBND huyện về việc giao chỉ tiêu giảm nghèo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động năm 2020;

Chủ tịch UBND huyện ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững năm 2020 với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Phần đầu đạt các chỉ tiêu về giảm nghèo năm 2020 góp phần đạt các mục tiêu, chỉ tiêu được giao trong Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 07/01/2020 của Chủ tịch UBND huyện.

2. Việc thực hiện Kế hoạch này phải gắn với việc thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ tại Quyết định số 289-QĐ/TU ngày 27/5/2016; Kế hoạch số 159/KH-UBND của UBND tỉnh; Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 của Chủ tịch UBND huyện đảm bảo sự thống nhất và đồng bộ trong việc tổ chức triển khai thực hiện.

II. CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ

1. Giảm tỷ lệ hộ nghèo và tăng thu nhập cho người nghèo

- Số hộ nghèo toàn huyện giảm trong năm 2020 là 1.297 hộ¹, đến cuối năm 2020 tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện giảm dưới 0,89%.

¹ Chỉ tiêu giảm nghèo năm 2020 thực hiện theo Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 07/01/2020 của UBND huyện.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

- Đến cuối năm 2020, thu nhập bình quân của người nghèo tăng thêm 228.000 đồng/người/tháng để đạt 1.715.000 đồng/người/tháng, gấp 2,5 lần so với năm 2015.

2. Nâng cao mức độ tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản

- Phân đầu không còn tình trạng trẻ em không đi học (tương ứng phải tác động để 65 trẻ em tiếp tục đi học).

- Phân đầu đảm bảo 100% khẩu cận nghèo tham gia bảo hiểm y tế.

- Phân đầu tác động để 129 hộ nghèo có nhà ở kiên cố; đảm bảo cho 295 hộ nghèo có diện tích tối thiểu 8m²/người trở lên.

- Phân đầu 100% hộ nghèo có hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh (tương ứng tác động để khoảng 982 hộ nghèo xây dựng được hố xí, nhà tiêu hợp vệ sinh).

- Phân đầu 100% hộ nghèo được tiếp cận nguồn nước hợp vệ sinh (tương ứng tác động để khoảng 425 hộ nghèo xây dựng được các công trình nước sạch, hợp vệ sinh).

- Phân đầu 100% hộ nghèo được tiếp cận dịch vụ thông tin truyền thông (tương ứng tác động để 46 hộ nghèo có tài sản và tiếp cận được các dịch vụ thông tin, truyền thông).

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Điều tra, rà soát, thu thập thông tin và cập nhật cơ sở dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo, xây dựng kế hoạch giảm nghèo năm 2020; kế hoạch giảm nghèo giai đoạn 2021 - 2025.

1.1. Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội

- Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững, kế hoạch thực hiện chỉ tiêu tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản năm 2020 trong tháng 1 năm 2020, báo cáo UBND tỉnh qua Sở Lao động Thương binh và Xã hội.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các xã, phường, thị trấn xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững năm 2020; kế hoạch tổng điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2021 - 2025 (khi có hướng dẫn của tỉnh).

- Tiến hành rà soát, đánh giá chính xác kết quả thực hiện Chương trình giảm nghèo trên địa bàn; phân tích kỹ các chỉ tiêu kế hoạch đến nay đạt thấp để đề ra giải pháp kế hoạch năm 2020, đồng thời tiếp tục phân công trách nhiệm cho cán bộ, đảng viên, kêu gọi các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân giúp đỡ các hộ nghèo, cận nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững.

- Tiếp tục cập nhật thông tin hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ bảo trợ xã hội vào cơ sở dữ liệu quốc gia “Hệ thống thông tin quản lý trợ giúp xã hội và giảm nghèo” của huyện.

- Chủ động xây dựng kế hoạch tổng kết Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

1.2. Các phòng, ngành, đơn vị, thành viên Ban chỉ đạo giảm nghèo cấp huyện

- Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tại các địa phương được phân công; chỉ đạo và thẩm định kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững 2020 của cấp xã trước khi gửi về UBND huyện xem xét phê duyệt **trước 24/02/2020**.

- Đối với các Phòng: Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Kinh tế hạ tầng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa - Thông tin theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp các địa phương đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu về tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản năm 2020, trên cơ sở đó tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện giao chỉ tiêu tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản năm 2020 cho UBND các xã, thị trấn; đồng thời, xây dựng kế hoạch thực hiện chỉ tiêu tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản năm 2020 nhằm đảm bảo đạt 100% chỉ tiêu đã được đề ra cho năm 2020 và giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số 289-QĐ/TU ngày 27/5/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh báo cáo UBND huyện (qua Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội) trong tháng 2 năm 2020.

1.3. UBND cấp xã

- Căn cứ chỉ tiêu giảm nghèo và chỉ tiêu tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của huyện giao, xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững năm 2020 và Kế hoạch thực hiện chỉ tiêu tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản năm 2020 xong **trước ngày 24/02/2020**. Trong đó, kế hoạch giảm nghèo cấp xã phải xác định được cụ thể các phương án, giải pháp và nguồn lực dự kiến hỗ trợ đến từng hộ phù hợp với nguyên nhân nghèo, nhu cầu hỗ trợ của hộ; phân công cụ thể các tổ chức, đoàn thể, cá nhân trực tiếp giúp đỡ khắc phục các nguyên nhân nghèo và hỗ trợ tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho từng hộ nghèo.

- Tiếp tục cập nhật thông tin hộ nghèo, hộ cận nghèo hộ có đối tượng bảo trợ xã hội vào cơ sở dữ liệu quốc gia "*Hệ thống thông tin quản lý trợ giúp xã hội và giảm nghèo*".

- Chủ động nguồn lực chuẩn bị cho việc tổng điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021 - 2025 (khi có hướng dẫn của cấp có thẩm quyền). Việc thực hiện điều tra, rà soát hộ nghèo đảm bảo khách quan, đúng quy định.

2. Tổ chức thực hiện các chương trình, dự án giảm nghèo, hỗ trợ phát triển nâng cao thu nhập và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

2.1. UBND cấp huyện

- Phối hợp chặt chẽ với các Sở, ban, ngành cấp tỉnh trong việc triển khai, thực hiện các dự án thành phần thuộc CTMTQG GNBV năm 2020 trên địa bàn. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về thực hiện các chỉ tiêu giảm nghèo được giao năm 2020 của địa phương.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ người nghèo, cận nghèo: miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền điện, trợ cấp cho người mắc bệnh hiểm nghèo không có khả năng lao động; mua thẻ bảo hiểm y tế, trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội...

- Lồng ghép việc thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo chung và các chính sách giảm nghèo đặc thù với các dự án thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững ở các xã, thôn/bản đặc biệt khó khăn, với Chương trình xây dựng Nông thôn mới và các chương trình, dự án phát triển kinh tế, xã hội. Triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ sản xuất, đa dạng hóa sinh kế theo hướng tiếp cận mới, hỗ trợ một phần có điều kiện, bảo toàn một phần hoặc toàn bộ vốn để luân phiên thực hiện cho các đối tượng khác cùng thụ hưởng.

- Đề xuất kế hoạch phát triển kinh tế, đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và dân sinh, đặc biệt ưu tiên các xã, thôn/bản có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, có tỷ lệ hộ nghèo cao.

- Vận động, huy động các nguồn lực của địa phương, nguồn lực con người từ cộng đồng, người dân, bằng nhiều hình thức như: ủng hộ ngày công lao động, vốn, kinh nghiệm sản xuất... giúp đỡ người nghèo khắc phục khó khăn vươn lên thoát nghèo; sử dụng khai thác có hiệu quả tiềm năng thế mạnh của địa phương phục vụ cho công tác giảm nghèo. Lồng ghép các nguồn lực và ưu tiên phân bổ nguồn vốn cho các xã ĐBKK, các xã có tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo còn cao, bố trí một phần ngân sách địa phương để hỗ trợ thực hiện, hoàn thành các mục tiêu giảm nghèo theo quy định.

- Tập trung các nguồn lực, ưu tiên đầu tư về nhà ở, nước sạch, nhà vệ sinh, thông tin truyền thông cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo đặc biệt tại địa bàn các xã ĐBKK thuộc Chương trình 135 để tăng khả năng tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản.

- Chỉ đạo các xã, thị trấn rà soát, lập phương án phát triển quỹ đất để bố trí đất ở, đất sản xuất cho người nghèo, hộ nghèo.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện đối với cấp xã; báo cáo tiến độ định kỳ hàng quý, 6 tháng và năm về các cơ quan liên quan đúng quy định.

2.2. UBND cấp xã

- Triển khai, thực hiện các dự án, tiểu dự án thành phần thuộc CTMTQG GNBV năm 2020 trên địa bàn xã theo phân cấp; theo dõi, nắm bắt tiến độ thực hiện báo cáo theo quy định.

- Các xã được phân bổ nguồn vốn thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo khẩn trương xây

dựng thuyết minh dự án, trình UBND huyện phê duyệt để triển khai thực hiện ngay khi được bố trí vốn, đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật.

- Chủ động bố trí, huy động, lồng ghép các nguồn lực để hỗ trợ thực hiện các mục tiêu giảm nghèo trên địa bàn xã; ưu tiên cho các hộ nghèo, cận nghèo có lao động, có phương án sản xuất, có tay nghề tham gia vào các dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất kinh doanh để nâng cao khả năng thoát nghèo.

- Khích lệ, động viên, khen thưởng người nghèo, cận nghèo, người dân tộc thiểu số tích cực học tập, nâng cao trình độ thông qua các phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020, gắn với xây dựng xã, thôn văn hóa đạt chuẩn nông thôn mới và chuẩn xã hội học tập.

- Xây dựng phương án bố trí quỹ đất để ưu tiên phân bổ đất ở, đất sản xuất cấp cho người nghèo, hộ nghèo.

- Thường xuyên đôn đốc tiến độ, kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện CTMTQG GNBV năm 2020 theo quy định của các cấp có thẩm quyền.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng, ban, ngành cấp huyện; UBND các xã, thị trấn theo chức năng, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này khẩn trương xây dựng kế hoạch, chủ động triển khai thực hiện và báo cáo kết quả định kỳ theo quy định, gửi về UBND huyện (qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) để tổng hợp, báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện; xử lý nghiêm các vi phạm trong thực hiện chính sách giảm nghèo (nếu có) và báo cáo kết quả xử lý về UBND huyện.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc huyện Triệu Sơn và các tổ chức chính trị xã hội từ huyện đến các xã, thị trấn:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về Chương trình giảm nghèo và nội dung của Kế hoạch này; tiếp tục hưởng ứng phong trào "*Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau*"; thi đua thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVII đã đề ra.

- Vận động các tổ chức, cá nhân tham gia giúp đỡ người nghèo, hộ nghèo, cận nghèo khắc phục các nguyên nhân nghèo, vươn lên thoát nghèo bền vững theo kế hoạch giảm nghèo của địa phương.

- Phối hợp tổ chức thực hiện việc giám sát công tác giảm nghèo của từng địa phương, đơn vị.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch này, nếu cần sửa đổi, bổ sung những nội dung, nhiệm vụ các Phòng, ban, ngành cấp huyện; các tổ chức chính trị xã hội; UBND các xã, thị trấn chủ động đề xuất gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo UBND huyện xem xét, quyết định./.

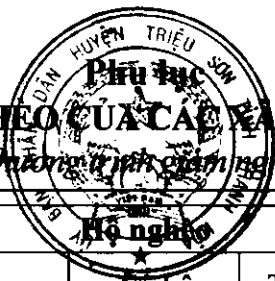
Nơi nhận:

- TTr: Huyện ủy, HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các Phòng, ngành cấp huyện;
- Ban chỉ đạo giảm nghèo cấp huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, LĐTBXH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Quang Trung



CHỈ TIÊU GIẢM NGHEO CỦA CÁC XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2020
(Kèm theo Kế hoạch thực hiện Chiến lược giảm nghèo nhanh và bền vững năm 2020)

| Số TT | Đơn vị | Tổng số hộ tự nhiên | Hộ nghèo | | | Hộ cận nghèo | | |
|------------------|--------------|---------------------|---------------|---------------------------|----------------|---------------|---------------------------|----------------|
| | | | Số hộ đầu năm | Số hộ giảm trong năm 2020 | Tỷ lệ giảm (%) | Số hộ đầu năm | Số hộ giảm trong năm 2020 | Tỷ lệ giảm (%) |
| Tổng cộng | | 59.360 | 1.825 | 1.297 | 2,18 | 4.241 | 795 | 1,34 |
| 1 | Thị Trấn | 4.208 | 75 | 68 | 1,62 | 118 | 30 | 0,71 |
| 2 | Thọ Sơn | 1.288 | 46 | 32 | 2,48 | 61 | 15 | 1,16 |
| 3 | Thọ Bình | 2.204 | 306 | 200 | 9,07 | 115 | 30 | 1,36 |
| 4 | Thọ Tiến | 1.630 | 74 | 60 | 3,68 | 129 | 30 | 1,84 |
| 5 | Hợp Lý | 1.555 | 50 | 32 | 2,06 | 155 | 30 | 1,93 |
| 6 | Hợp Tiến | 1.110 | 21 | 19 | 1,71 | 57 | 15 | 1,35 |
| 7 | Hợp Thành | 1.782 | 42 | 26 | 1,46 | 152 | 23 | 1,29 |
| 8 | Triệu Thành | 1.647 | 220 | 170 | 10,32 | 375 | 25 | 1,52 |
| 9 | Hợp Thắng | 1.755 | 61 | 35 | 1,99 | 132 | 30 | 1,71 |
| 10 | Mình Sơn | 1.444 | 41 | 32 | 2,22 | 66 | 25 | 1,73 |
| 11 | Dân Lực | 2.012 | 21 | 18 | 0,89 | 65 | 20 | 0,99 |
| 12 | Dân Lý | 2.253 | 28 | 25 | 1,11 | 99 | 30 | 1,33 |
| 13 | Dân Quyền | 2.702 | 53 | 35 | 1,30 | 334 | 50 | 1,85 |
| 14 | An Nông | 1.532 | 37 | 15 | 0,98 | 65 | 20 | 1,31 |
| 15 | Vân Sơn | 1.984 | 67 | 30 | 1,51 | 143 | 25 | 1,26 |
| 16 | Thái Hòa | 2.101 | 42 | 23 | 1,09 | 247 | 35 | 1,67 |
| 17 | Thị trấn Nưa | 2.788 | 37 | 32 | 1,15 | 129 | 20 | 0,72 |
| 18 | Đồng Lợi | 1.801 | 12 | 12 | 0,67 | 212 | 30 | 1,67 |
| 19 | Đồng Tiến | 2.196 | 22 | 18 | 0,82 | 124 | 20 | 0,91 |
| 20 | Đồng Thắng | 1.414 | 10 | 10 | 0,71 | 19 | 5 | 0,35 |
| 21 | Tiền Nông | 1.511 | 28 | 23 | 1,52 | 116 | 30 | 1,99 |
| 22 | Khuyến Nông | 1.768 | 51 | 49 | 2,77 | 183 | 43 | 2,43 |
| 23 | Xuân Thịnh | 1.353 | 28 | 17 | 1,26 | 60 | 15 | 1,11 |
| 24 | Xuân Lộc | 1.140 | 25 | 20 | 1,75 | 77 | 20 | 1,75 |
| 25 | Thọ Dân | 1.857 | 45 | 32 | 1,72 | 152 | 35 | 1,88 |
| 26 | Xuân Thọ | 1.328 | 26 | 23 | 1,73 | 159 | 25 | 1,88 |
| 27 | Thọ Tân | 1.283 | 23 | 21 | 1,64 | 56 | 10 | 0,78 |
| 28 | Thọ Ngọc | 1.878 | 36 | 16 | 0,85 | 60 | 15 | 0,80 |
| 29 | Thọ Cường | 1.230 | 24 | 19 | 1,54 | 62 | 25 | 2,03 |
| 30 | Thọ Phú | 1.368 | 34 | 18 | 1,32 | 113 | 27 | 1,97 |

| | | | | | | | | |
|----|-------------|-------|-----|-----|-------|-----|----|------|
| 31 | Thọ Vực | 1.237 | 33 | 30 | 2,43 | 63 | 10 | 0,81 |
| 32 | Thọ Thế | 1.355 | 13 | 10 | 0,74 | 122 | 25 | 1,85 |
| 33 | Nông Trường | 1.881 | 31 | 27 | 1,44 | 76 | 20 | 1,06 |
| 34 | Bình Sơn | 765 | 163 | 100 | 13,07 | 145 | 10 | 1,31 |

Phân công nhiệm vụ các thành viên Ban chỉ đạo giảm nghèo bền vững
giai đoạn 2019-2020
 (Kèm theo Kế hoạch 154/KH-UBND ngày 27/01/2019 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)



| STT | Họ và tên | Chức vụ | Đơn vị chỉ đạo |
|-----|-----------------|---------------------------------------|------------------------|
| 1 | Nguyễn Văn Hùng | Trưởng phòng Lao động - TBXH | Thọ Sơn, Thọ Bình |
| 2 | Đặng Viết Hiền | Chi cục trưởng chi cục Thống kê | Hợp Thắng, Vân Sơn |
| 3 | Lê Xuân Khoa | Phó Chánh Văn phòng HĐND&UBND | Bình Sơn, Thọ Cường |
| 4 | Bùi Huy Dũng | Trưởng phòng Tài chính- Kế hoạch | Thọ Vực, Thọ Phú |
| 5 | Lã Văn Lâm | Trưởng phòng Nông nghiệp- PTNT | Đồng Thắng, Đồng Tiến |
| 6 | Lê Thị Thủy | Trưởng Phòng Y tế | Dân Quyền, Minh Sơn |
| 7 | Bùi Kim Dậu | Trưởng phòng Văn hóa - Thông tin | Xuân Thọ, Thọ Tân |
| 8 | Phạm Khắc Thanh | Phó GD Trung tâm dịch vụ nông nghiệp | Hợp Lý, Hợp Tiến |
| 9 | Nguyễn Văn Cận | Trưởng phòng Giáo dục - Đào tạo | Đồng Lợi, Tân Ninh |
| 10 | Lê Thanh Hải | Phó Ban Tuyên giáo Huyện ủy | Thị Trấn, Thái Hòa |
| 11 | Lê Văn Cường | Phó Chủ tịch UBMTTQ huyện | Thọ Tiến, Thọ Ngọc |
| 12 | Lê Xuân Trường | Chủ tịch Hội Nông dân huyện | Tiến Nông, Nông Trường |
| 13 | Nguyễn Văn Lĩnh | Phó Ban dân vận Huyện ủy | Dân Lý, Khuyến Nông |
| 14 | Lê Thị Mai | Chủ tịch Hội Phụ nữ huyện | Minh Châu, Xuân Lộc |
| 15 | Bùi Hoàng Long | Trưởng phòng Kinh tế - Hạ tầng | Thọ Dân, Thọ Thế |
| 16 | Nguyễn Thị Thủy | Phó Giám đốc Ngân hàng NN&PTNT | Dân Lực, An Nông |
| 17 | Lê Hoài Nhơn | Phó Giám đốc phòng giao dịch NHCSXH | Triệu Thành, Hợp Thành |
| 18 | Ngô Văn Lương | Trưởng Đài Truyền thanh - Truyền hình | Minh Dân, Xuân Thịnh |